

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI  
THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2007**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 61/2006/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

**I. ĐỊNH MỨC CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC**

1. Khối tỉnh quản lý: 66.850 đồng/dân/năm.

2. Khối huyện quản lý: 200.000 đồng/dân/năm.

Riêng một số địa phương được tính tăng thêm như sau:

- Huyện Cai Lậy, Châu Thành mỗi đơn vị tăng thêm 8%;

- Huyện Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông, Tân Phước, TP Mỹ Tho mỗi đơn vị tăng thêm 15%;

- Thị xã Gò Công tăng thêm 40%.

Đối với sự nghiệp giáo dục cấp huyện, cấp tỉnh, nếu định mức nêu trên không đảm bảo tỷ lệ chi cho con người 80%, chi cho công việc 20%, thì ngân sách tỉnh sẽ bù phân chênh lệch nhằm đảm bảo cơ cấu chi con người 80%, chi cho công việc 20%.

3. Cấp xã:

- Xã loại 1: 13 triệu đồng/xã/năm;

- Xã loại 2: 11 triệu đồng/xã/năm.

**II. ĐỊNH MỨC CHI SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO VÀ ĐẠY NGHỀ**

1. Cấp tỉnh:

Định mức bình quân chung là 42.230 đồng/dân/năm. Định mức chi cụ thể cho một số cơ sở đào tạo như sau:

*a) Trường Đại học Tiền Giang (định mức chi từ nguồn ngân sách):*

- Đối với học sinh trong ngành sư phạm:

+ Học sinh Đại học sư phạm: 4.500.000đ/học sinh/năm.

+ Học sinh Cao đẳng và Trung học sư phạm: 4.200.000đ/học sinh/năm.

- Đối với học sinh ngoài ngành sư phạm:

+ Đại học: 2.900.000đ/học sinh/năm.

+ Cao đẳng: 2.800.000đ/học sinh/năm.

+ Trung cấp: 2.700.000đ/học sinh/năm.

*b) Trường Dạy nghề Tiền Giang:*

Định mức chi từ nguồn ngân sách là 3.200.000đ/học sinh/năm.

*c) Trường Chính trị Tiền Giang:*

Định mức chi từ nguồn ngân sách là 3.700.000đ/học sinh/năm.

*d) Trường Văn hoá nghệ thuật Tiền Giang:*

Định mức chi từ ngân sách là 3.700.000đ/học sinh/năm

*đ) Trường Trung học Y tế Tiền Giang:*

Định mức chi từ nguồn ngân sách là 2.900.000/học sinh/năm

*e). Trường Năng khiếu Thể dục Thể thao:*

- Chi con người: tính theo biên chế kế hoạch và quỹ tiền lương theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chi công việc: tính tương ứng theo khoản chi cho con người nhằm đảm bảo cơ cấu chi con người là 65% và chi công việc là 35%.

Ngoài ra còn bố trí thêm khoản chi tiền ăn cho học sinh theo chế độ quy định hiện hành.

Định mức chi cho các cơ sở đào tạo nêu trên chưa bao gồm kinh phí mua sắm, sửa chữa. Hàng năm, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu của các đơn vị, giao Sở Tài chính tính toán cụ thể trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Cấp huyện: định mức chi như sau:

<b>Đơn vị</b>	<b>Định mức</b> (triệu đồng/đơn vị/năm)
Cái Bè	100
Cai Lậy	100
Châu Thành	100
Tân Phước	80

Chợ Gạo	90
Gò Công Tây	90
Gò Công Đông	90
Thị xã Gò Công	80
Thành phố Mỹ Tho	90

Riêng các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị cấp huyện, mức chi trong khoảng từ 400- 480 triệu đồng/đơn vị/năm. Định mức chi cụ thể cho từng đơn vị, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính tính toán, xác định cho phù hợp với tình hình thực tế của các đơn vị hàng năm.

Đối với Trung tâm Dạy nghề huyện Châu Thành, Tân Phước:

- Chi con người: tính theo biên chế kế hoạch và quỹ tiền lương theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chi công việc: tính tương ứng theo khoản chi cho con người nhằm đảm bảo cơ cấu chi con người là 65% và chi công việc là 35%.

3. Cấp xã:

- Xã loại 1: 16 triệu đồng/xã/năm;

- Xã loại 2: 14 triệu đồng/xã/năm.

### **III. ĐỊNH MỨC CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ**

1. Định mức trị bệnh:

a) Bệnh viện tỉnh hạng 1: 29 triệu đồng/giường bệnh/năm;

b) Bệnh viện tỉnh hạng 2: 27 triệu đồng/giường bệnh/năm;

c) Bệnh viện tỉnh hạng 3: 25 triệu đồng/giường bệnh/năm;

d) Bệnh viện huyện: 24 triệu đồng/ giường bệnh/năm;

đ) Phòng khám khu vực: 21 triệu đồng/ giường bệnh/năm;

e) Chi cho Trạm Y tế xã:

- Tiền lương và các khoản theo lương tính theo chế độ quy định;

- Chi hoạt động như sau:

+ Xã loại 1: 17 triệu đồng/xã/năm;

+ Xã loại 2: 15 triệu đồng/xã/năm.

**2. Định mức phòng bệnh:**

- Cấp tỉnh : 12.000 đồng/dân/năm;
- Cấp huyện : 4.000 đồng/dân/năm.

Riêng một số địa phương được tính thêm kinh phí như sau :

- + Huyện Cái Bè tăng thêm 10%;
- + Các huyện Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và thành phố Mỹ Tho mỗi đơn vị tăng thêm 70%;
- + Thị xã Gò Công tăng thêm 200%;
- + Tân Phước tăng thêm 440%.

3. Chi Khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi: theo hình thức thực thanh, thực chi và do ngân sách tỉnh đảm bảo.

**4. Chi trợ cấp cán bộ y tế xã, ấp:**

- Bác sĩ công tác ở xã: 300.000 đồng/người/tháng;
- Cán bộ y tế ấp, khu phố: 80.000 đồng/người/tháng.

Ngoài ra còn phân bổ thêm khoản chi khám chữa bệnh cho người nghèo theo hình thức mua thẻ Bảo hiểm y tế (BHYT) và do ngân sách tỉnh chi. Mức mua thẻ BHYT thực hiện theo chế độ quy định chung của Nhà nước.

**IV. ĐỊNH MỨC CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN**

1. Cấp tỉnh : 4.800 đồng/dân/năm;

2. Cấp huyện : 2.800 đồng/dân/năm. Riêng:

- Thành phố Mỹ Tho và huyện Tân Phước mỗi đơn vị tăng thêm 100%;  
thị xã Gò Công tăng thêm 280%.

3. Cấp xã:

- Xã loại 1: 15 triệu đồng/xã/năm;
- Xã loại 2: 13 triệu đồng/xã/năm;
- Khu dân cư (ấp, khu phố): 1,2 triệu đồng/khu dân cư/năm.
- Nhà văn hóa cấp xã (đối với xã, phường đạt danh hiệu là xã, phường văn hóa): 10 triệu/nhà/năm.

Ngoài ra còn phân bổ thêm cho Đoàn Nghệ thuật chuyên nghiệp theo mức 200 triệu đồng/đoàn, Đội Thông tin lưu động theo mức 100 triệu đồng/đội và giao cho Sở Văn hóa - Thông tin quản lý, sử dụng khoản kinh phí này.

**V. ĐỊNH MỨC CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO**

1. Cấp tỉnh: 2.940 đồng/dân/năm;
2. Cấp huyện: 1.170 đồng/dân/năm. Riêng:
  - Thành phố Mỹ Tho và huyện Tân Phước mỗi đơn vị tăng thêm 100%;thị xã Gò Công tăng thêm 280%.
3. Cấp xã:
  - Xã loại 1: 11 triệu đồng/xã/năm;
  - Xã loại 2: 9 triệu đồng/xã/năm.

Ngoài ra, còn phân bổ thêm chi cho vận động viên đạt thành tích cao quốc gia và vận động viên khuyết tật, mức chi theo chế độ quy định đối với vận động viên.

**VI. ĐỊNH MỨC CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH**

1. Cấp tỉnh : 3.300 đồng/dân/năm;
2. Cấp huyện : 1.620 đồng/dân/năm. Riêng:
  - Thành phố Mỹ Tho và huyện Tân Phước mỗi đơn vị tăng thêm 100%;thị xã Gò Công tăng thêm 280%.
3. Cấp xã:
  - Xã loại 1: 11 triệu đồng/xã/năm;
  - Xã loại 2: 9 triệu đồng/xã/năm.

**VII. ĐỊNH MỨC CHI SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XÃ HỘI**

1. Cấp tỉnh: 5.240 đồng/dân/năm (bao gồm cả kinh phí hỗ trợ cho các huyện để trả nợ vay xây dựng nhà tình nghĩa mỗi năm khoảng 2 tỷ đồng).
2. Cấp huyện: 4.950 đồng/dân/năm. Riêng:
  - Huyện Tân Phước tăng thêm 40%;
  - Thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công mỗi đơn vị tăng thêm là 20%.
3. Cấp xã:
  - Xã loại 1: 18 triệu đồng/xã/năm;
  - Xã loại 2: 16 triệu đồng/xã/năm.

Ngoài định mức nêu trên, còn tính thêm các khoản như sau:

- Trợ cấp dịp lễ, tết Nguyên đán cho đối tượng chính sách xã hội theo mức 200.000 đồng/người/năm
- Chi trợ cấp cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định (đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 119/2005/NĐ-CP ngày 27/9/2005 của Chính phủ).

## VIII. ĐỊNH MỨC CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Mức chi theo dự toán ngân sách được Trung ương phân bổ hằng năm cho ngân sách địa phương.

## IX. ĐỊNH MỨC CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

### 1. Cấp tỉnh:

a) Khối cơ quan quản lý nhà nước, đoàn thể: mức chi bình quân là 35 triệu đồng/biên chế/năm. Tuy nhiên để đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của các đơn vị, định mức chi cụ thể như sau:

- Chi con người: tính theo biên chế kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền giao và quỹ tiền lương theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chi công việc: tính theo biên chế kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền giao theo các nhóm định mức như sau:

+ Nhóm 1: mức 1.500.000 đồng/người/tháng, gồm các đơn vị: Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Nhóm 2: mức 1.250.000 đồng/người/tháng, gồm các đơn vị: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công nghiệp; Mặt trận tổ quốc tỉnh, Hội Luật gia, Hội Nhà báo, Hội Đông y, Hội Chữ Thập đỏ.

+ Nhóm 3: mức 1.200.000 đồng/người/tháng, gồm các đơn vị: Sở Thể dục Thể thao, Sở Xây dựng, Sở Thủy sản, Sở Thương mại - Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Tôn giáo, Ban Thi đua Khen thưởng; Hội Cựu chiến binh, Tỉnh đoàn, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Văn học Nghệ thuật.

+ Nhóm 4: mức 1.150.000 đồng/người/tháng, gồm các đơn vị: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em, Thanh tra tỉnh, Sở Bưu chính Viễn thông; Hội Người mù, Liên minh Hợp tác xã, Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật, Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị.

+ Nhóm 5: mức 1.100.000 đồng/người/tháng, gồm các đơn vị: Chi cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn, Chi cục Quản lý thị trường, Sở Y tế, Sở Giao thông Vận tải, Sở Giáo dục - Đào tạo, Phòng Công chứng số 1, Phòng Công chứng số 2, Phòng Công chứng số 3, Sở Văn hóa Thông tin, Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Chi cục Bảo vệ Thực vật, Chi cục Thú y, Chi cục Bảo vệ chất lượng và Thú y Thủy sản, Chi cục Thủy lợi, Thanh tra thủy sản, Ban Thanh tra Giao thông.

b) Khối cơ quan Đảng: 35 triệu đồng/biên chế/năm. Ngoài ra còn tính thêm một khoản kinh phí bằng 35% định mức này để phục vụ các yêu cầu chi đặc thù của Thường vụ Tỉnh ủy.

### 2. Cấp huyện:

- Khối cơ quan quản lý nhà nước, đoàn thể: 33 triệu đồng/biên chế/năm;
- Khối cơ quan Đảng: 33 triệu đồng/biên chế/năm. Ngoài ra còn tính thêm một khoản kinh phí bằng 20% định mức này để phục vụ các yêu cầu chi đặc thù của Thường vụ Huyện ủy, trong đó bao gồm cả kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho cán bộ luân chuyển công tác theo Quyết định số 217/QĐ-TU ngày 19/9/2006 của Thường vụ Tỉnh ủy.

Căn cứ vào định mức chung nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định định mức chi cụ thể cho phù hợp với từng cơ quan, đơn vị cấp huyện.

### 3. Cấp xã:

- Cán bộ chuyên trách: 11,5 triệu đồng/người/năm;
- Cán bộ không chuyên trách: 5,3 triệu đồng/người/năm;
- Hoạt động phí: 160 triệu đồng/xã/năm (bao gồm cả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã). Tùy theo địa bàn xã rộng hay hẹp, xa hay gần thị trấn và dân số nhiều hay ít, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ định mức chi cho phù hợp với từng xã nhưng phải nằm trong khung từ 150 triệu đồng đến 170 triệu đồng/xã. Đồng thời Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm báo cáo về Sở Tài chính định mức phân bổ chi hoạt động cụ thể của từng xã để làm cơ sở xác định số bổ sung cho ngân sách cấp xã trong dự toán chi ngân sách năm 2007.

- Chi hoạt động của Ban Dân số Gia đình và Trẻ em cấp xã:

- + Xã loại 1: 7 triệu đồng/xã/năm;
- + Xã loại 2: 5 triệu đồng/xã/năm.

Ngoài định mức chi cho 3 cấp ngân sách nêu trên, còn phân bổ chi mua sắm sửa chữa, chi nghiệp vụ chuyên môn cho các đơn vị, địa phương theo khả năng cân đối ngân sách địa phương hằng năm.

## **X. ĐỊNH MỨC CHI QUỐC PHÒNG - BIÊN PHÒNG**

1. Cấp tỉnh: Tổng số là 4.500 đồng/dân/năm, trong đó:

- Quốc phòng: 3.400 đồng/dân/năm;
- Bộ đội Biên phòng: 1.100 đồng/dân/năm;

2. Cấp huyện: là 2.200 đồng/dân/năm. Riêng:

- Thành phố Mỹ Tho và huyện Gò Công Đông mỗi đơn vị tăng thêm 40%;
- Huyện Tân Phước và Thị xã Gò Công mỗi đơn vị tăng thêm 160%.

### 3. Cấp xã:

Xã Loại 1: 31 triệu đồng/xã/năm; Xã Loại 2: 29 triệu đồng/xã/năm.

Ngoài định mức chi cho 3 cấp ngân sách nêu trên, còn phân bổ thêm khoản chi may trang phục cho lực lượng quân sự xã theo Pháp lệnh Dân quân tự vệ với mức chi bình quân 10 triệu đồng/xã/năm. Khoản chi này giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý, sử dụng nhằm đảm bảo sự thống nhất về quy cách trang phục theo tiêu chuẩn quy định chung và sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích.

## **XI. ĐỊNH MỨC CHI AN NINH**

1. Cấp tỉnh: 2.180 đồng/dân/năm;

2. Cấp huyện: 1.040 đồng/dân/năm. Riêng:

- TP Mỹ Tho và huyện Gò Công Đông mỗi đơn vị tăng thêm 40%;
- Huyện Tân Phước và thị xã Gò Công mỗi đơn vị tăng thêm 160%;

### 3. Cấp xã:

Xã Loại 1: 15 triệu đồng/xã/năm; Xã Loại 2: 13 triệu đồng/xã/năm.

## **XII. ĐỊNH MỨC CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ**

1. Cấp tỉnh: 13% trên tổng chi thường xuyên có định mức;

2. Cấp huyện: 5% trên tổng chi thường xuyên có định mức. Riêng các đơn vị sau đây được tính thêm như sau:

- Thành phố Mỹ Tho: 17.000 triệu đồng (trong đó có 10.000 triệu đồng được phân bổ thêm đối với đô thị loại 2);

- Thị xã Gò Công: 3.000 triệu đồng;
- Huyện Tân Phước: 1.000 triệu đồng.

### 3. Cấp xã:

Xã loại 1: 33 triệu đồng/xã/năm; Xã loại 2: 31 triệu đồng/xã/năm.

Đối với các thị trấn mức chi như sau:

<b>Đơn vị</b>	<b>Định mức</b> (triệu đồng/đơn vị/năm)
Cái Bè	200
Cai Lậy	200
Châu Thành	180

Tân Phước	160
Chợ Gạo	180
Gò Công Tây	180
Gò Công Đông	180

Riêng các xã lớn mang tính chất thị tứ được phân bổ mức chi là 120 triệu đồng/xã, bao gồm:

- Xã An Hữu thuộc huyện Cái Bè;
- Xã Mỹ Thành Nam thuộc huyện Cai Lậy;
- Xã Vĩnh Kim thuộc huyện Châu Thành;
- Xã Phú Mỹ thuộc huyện Tân Phước;
- Xã Lương Hoà Lạc thuộc huyện Chợ Gạo;
- Xã Long Bình thuộc huyện Gò Công Tây;
- Xã Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

### **XIII. CHI TRỢ GIÁ**

Định mức chi là 1.140 đồng/dân/năm.

### **XIV. CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG**

- Cấp tỉnh: 2% trên tổng chi thường xuyên;
- Cấp huyện: phân bổ theo mức chi như sau:

+ Huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành và thành phố Mỹ Tho: 1.200 triệu đồng/đơn vị/năm;

+ Huyện Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông, Tân Phước và thị xã Gò Công: 1.000 triệu đồng/đơn vị/năm.

### **XV. CHI KHÁC NGÂN SÁCH**

1. Cấp tỉnh: tính 0,5% trên tổng chi thường xuyên;
2. Cấp huyện: tính 0,5% trên tổng chi thường xuyên;
3. Cấp xã: 16 triệu đồng/xã/năm.

### **XVI. ĐỊNH MỨC CHI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CẤP TỈNH**

Định mức chi bình quân chung là 26,5 triệu đồng/biên chế/năm. Cụ thể như sau:

1. Chi con người: tính theo biên chế kế hoạch và quỹ tiền lương theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Chi công việc: tính theo định mức như sau:

- Nhóm 1: mức 800.000 đồng/người/tháng, gồm các đơn vị: Trung tâm Khuyến công, Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Thương mại - Du lịch, Trung tâm Thương mại Trái cây Quốc gia, Ban Quản lý di tích, Trung tâm Xã hội, Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội, Câu lạc bộ Hưu trí, Thư viện tỉnh, Trung tâm Thông tin tư vấn và Dịch vụ tài chính, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm Công báo, Trung tâm Tin học, Trung tâm Lưu trữ.

- Nhóm 2: mức 750.000 đồng/người/tháng, gồm các đơn vị: Trung tâm Giống thủy sản, Trung tâm Giống Nông nghiệp, Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Nước sinh hoạt - Vệ sinh môi trường, Trung tâm Trợ giúp pháp lý, Nhà Thiếu nhi tỉnh Tiền Giang.

- Nhóm 3: mức 700.000 đồng/người/tháng, gồm các đơn vị: Bảo tàng Tiền Giang, Ban Quản lý Nghĩa trang, Chi cục Bảo vệ chất lượng và Thú y Thủy sản, Ban quản lý Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười, Trung Tâm Dịch vụ bán đấu giá, Trung tâm Khuyến nông.

- Nhóm 4: mức 650.000 đồng/người/tháng, gồm các đơn vị: Chi cục Thú y, Chi cục Bảo vệ Thực vật, Trung tâm Khuyến ngư, Hạt Quản lý đê, Đoàn Nghệ thuật tổng hợp, Trung tâm Tư vấn dịch vụ Dân số - Gia đình, Trung tâm Văn hoá thông tin, các đơn vị khác (kể cả các đơn vị phát sinh mới).

Định mức chi quản lý hành chính và các lĩnh vực sự nghiệp của 3 cấp ngân sách nêu trên (từ Mục I đến mục XVI) bao gồm cả phụ cấp trách nhiệm quản lý đơn vị của cán bộ chỉ huy dân quân tự vệ tại các xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh Dân quân tự vệ.

Định mức chi sự nghiệp quy định trong Quyết định này là số tối đa. Khi thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ thì mức hỗ trợ từ ngân sách bằng số chênh lệch thu nhỏ hơn chi của đơn vị./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Trung**